TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2024/DS-PT
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1726/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Văn C, sinh năm 1977(có mặt).

Địa chỉ: Số C tổ A, ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972 – Văn phòng luật sư Đinh Thị Bé M – Thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Trần Phước H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số F N, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đinh Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đinh Văn C trình bày:

Khoảng tháng 7 năm 2007, ông Đinh Văn C mua của ông Trần Văn H1 (cha của bị đơn) phần đất có diện tích là 206 m². Trong đó chiều rộng là 6 m, chiều dài các cạnh lần lượt là 35 m, 36 m. Sau khi mua đất, ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất trên tại thửa đất số 3028 vào năm 2007.

Khoảng vài tháng sau thì ông Trần Văn H1 bán tiếp nền nhà liền kề cho bà Nguyễn Thị T. Do trước đất bán cho bà T có 01 trụ điện nên ông H1 bù thêm cho bà T 01 mét đất phía sau (đất của bà T dài hơn đất của nguyên đơn 01 mét).

Từ năm 2011 - 2013 Nhà nước đo đạc lại theo Vlap thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông C nhận có sự sai lệch không đúng với hiện trạng và diện tích mà ông sử dụng, cụ thể: thửa đất mới là thửa 17, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có 160,9 m².

Lúc V đo đạc thì không có mặt ông, sau khi đo thì mới kêu ông lại nhà trưởng ấp ký tên vào bản mô tả hình thể thửa đất chứ không có ghi cụ thể số đo từng cạnh và diện tích. Trong năm 2013, ông C nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, lúc này ông nghĩ là do làm lộ và trừ lộ giới nên có sự sai lệch về diện tích.

Sau khi ông Trần Văn H1 tặng lại cho con là ông Trần Phước H phần đất thửa 86 tờ bản đồ số 28. Trong quá trình sử dụng đất ông H không đồng ý ranh mà ông C sử dụng từ trước đến nay và cho rằng ông C lấn sang đất ông H phần đất qua đo đạc có diện tích 26,6 m² nên đôi bên phát sinh tranh chấp; Trên phần đất này có ao (mương) và một phần công trình chuồng dê mà ông C xây dựng trên 10 năm nay.

Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết xác định phần đất tranh chấp qua đo đạc có diện tích 26,6 m² là thuộc thửa 17 tờ bản đồ số 28 do ông C đứng tên. Do phần đất này ông đang quản lý nên ông không yêu cầu ông H trả lại

mà chỉ yêu cầu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng sử dụng của các bên.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Phước H trình bày:

Ông H sở hữu và đứng tên phần đất thửa 86, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, diện tích hiện nay là 2.110,2 m². Phần đất này ông nhận tặng cho từ cha ông là ông Trần Văn H1 (cha ông có tên khác là Trần Phước H2) vào năm 2017, lúc sang tên đất chỉ sang sổ chứ không đo đạc lại.

Từ trước đến nay ông sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cha ông là người canh tác đất. Sau khi ông H1 mất thì nhờ người quản lý đất. Trên đất này hiện nay có 01 căn nhà (nhà cha xây) và phần còn lại là đất trống được cope sang lấp bằng phẳng.

Cách nay vài năm (trước dịch bệnh C) thì nguyên đơn có hỏi ông H xin cất nhờ chuồng dê (thời điểm này cha ông còn sống) và được ông Hòa đồng ý. Đến khoảng năm 2021, ông C có nhiều lần hỏi mua phần đất mà ông C cất nhờ chuồng dê và thêm phần đất phía sau nhưng ông H không bán. Sau đó thì phía nguyên đơn khởi kiện bị đơn bằng vụ kiện này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông H không đồng ý. Ông H có yêu cầu phản tố là yêu cầu ông Đinh Văn C tháo dỡ, di dời công trình chuồng trại, cây trồng ra khỏi đất và trả lại cho ông phần đất tranh chấp qua đo đạc có diện tích 26,6 m².

Các đương sự đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá đất, tài sản trên phần đất tranh chấp mà không yêu cầu xem xét thẩm định, định giá lại.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đinh Văn C.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Trần Phước H. Xác định phần đất tranh chấp có diện tích là 26,6 m² là thuộc về thửa 86 tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Trần Phước H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có họa đồ kèm theo)

Buộc ông Đình Văn C1 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ cây trồng, công trình ra khỏi đất và trả lại cho ông Trần Phước H phần đất nói trên, cụ thể:

Công trình: Chuồng dê: Kết cấu cột gỗ, vách gỗ tạp, mái tôn, diện tích: 5,8 m².

Hàng rào: Lưới B40 cao 1,4 m, dài hết ranh đất phía sau (6,52 m).

Cây trồng: M1 chiếu thủy: 02 cây.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/4/2024 ông Đinh Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách: yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn C, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Phước H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu Tòa án điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26,6 m^2 từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 86, tờ bản đồ số 28 của bị đơn sang thửa 17, tờ bản đồ số 28 cho nguyên đơn. Trong đó diện tích 23,7 m^2 là đất của nguyên đơn, diện tích 2,9 m^2 nguyên đơn đồng ý trả giá trị bằng tiền cho bị đơn.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu Tòa án sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày một số căn cứ yêu cầu Tòa án chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn như sau: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của phía nguyên đơn với ông H1 vào năm 2007 là hợp pháp, diện tích chuyển nhượng là 206 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/7/2007; Diện tích đất bị thu hồi của nguyên đơn chỉ có 21,4 m^2 nên diện tích còn lại là 184,6 m^2 nhưng hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ cấp 160,9 m^2, thiếu 23,7 m^2 so với diện tích lúc chuyển nhượng. Trong quá trình sử dụng đất, nguyên đơn đã xây dựng chuồng dê, hàng rào, trồng cây nhưng bị đơn không có tranh chấp, điều đó cho thấy toàn bộ diện tích 26,6 m^2 tranh chấp nói trên là của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của ông Đinh Văn C; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập lần thứ hai cho bị đơn ông Trần Phước H nhưng tại phiên tòa ông H vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Phước H.

Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm trong phạm vi khởi kiện, phạm vi kháng cáo ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

Về nội dung:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích 26,6 m², thuộc một phần thửa đất số 86, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Trần Phước H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay ông Đinh Văn C quản lý, sử dụng.

Trên đất có tài sản như sau:

- Chuồng dê: Kết cấu cột gỗ, vách gỗ tạp, mái tôn có diện tích: 5,8 m² đây là công trình tạm có thể di dời được.

- Hàng rào: Lưới B40 cao 1,4 m, dài hết ranh đất phía sau (6,52 m). Hàng rào chỉ là lưới kéo ngan, không có cột (trụ).

- Cây trồng: Mai chiếu thủy: 02 cây, trồng sát hàng rào lưới B40.

- Ngoài ra trên phần đất thuộc thửa 17 còn có 01 cây dừa. Dừa trồng trên thửa đất số 17 nhưng có thân và ngọn (lá) nghiên qua thửa 86 và trường Tiểu học H3. Các đương sự không có tranh chấp với cây dừa này.

Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp 26,6 m^2 là nằm trong thửa đất số 17 của nguyên đơn (đã mua từ cha của bị đơn từ tháng 7/2007) nhưng do sai sót khi đo đạc lại theo Vlap cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhầm cho phía bị đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần đất tranh chấp 26,6 m^2 là của nguyên đơn, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 86, tờ bản đồ số 28 của bị đơn sang thửa 17, tờ bản đồ số 28 cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26,6 m^2 từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 86, tờ bản đồ số 28 của bị đơn sang thửa 17, tờ bản đồ số 28 cho nguyên đơn; Trong đó diện tích 23,7 m^2 là đất của nguyên đơn, diện tích 2,9 m^2 nguyên đơn đồng ý trả giá trị bằng tiền (theo giá Hội đồng định giá) cho bị đơn.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, xác định phần đất tranh chấp là thuộc một phần thửa đất số 86, tờ bản đồ số 28 của bị đơn; Trên cơ sở đó yêu cầu Toà án buộc nguyên đơn tháo dỡ, di dời chuồng dê, hàng rào, cây trồng trả lại cho bị đơn phần đất có diện tích 26,6 m^2 thuộc một phần thửa đất số 86, tờ bản đồ số 28, toạ lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 nguyên đơn yêu cầu ông H trả lại phần đất lấn chiếm sang phần đất của nguyên đơn đứng tên chủ quyền tại thửa 17, tờ bản đồ số 28; Tại Biên bản hòa giải ngày 23/02/2024 nguyên đơn yêu cầu tòa án xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 28 do nguyên đơn đứng tên. Do phần đất tranh chấp nguyên đơn đang sử dụng nên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lại mà yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng sử dụng.

[2.2] Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là: nguyên đơn yêu cầu Tòa án điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26,6 m^2 từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 28 của bị đơn sang thửa đất số 17, tờ bản đồ số 28 cho nguyên đơn; Trong đó diện tích 23,7 m^2 là

đất của nguyên đơn, diện tích 2,9 m^2 nguyên đơn đồng ý trả giá trị bằng tiền (theo giá Hội đồng định giá) cho bị đơn.

Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều không phải là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Lẽ ra, cấp phúc thẩm phải hủy bản án dân sự sơ thẩm và không xem giải quyết các yêu cầu này. Tuy nhiên, việc huỷ án không làm thay đổi bản chất giải quyết vụ án; Mặt khác, trong vụ án này bị đơn có yêu cầu phản tố và cấp sơ thẩm đã thụ lý - Yêu cầu phản tố của bị đơn là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án - Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà cấp phúc thẩm sẽ xem xét giải quyết tranh chấp dân sự phát sinh trên cơ sở yêu cầu của bị đơn. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[3] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp thấy rằng:

Thửa đất số 17 và thửa đất số 86 trước đây là chung thửa 1797, 1798 của ông Trần Văn H1 (tên gọi khác là Trần Phước H2 - là cha ruột của bị đơn). Ngày 02/7/2007, ông H1 chuyển nhượng cho nguyên đơn phần đất diện tích 206 m^2 (thửa đất số 3028 - nay là thửa đất số 17), theo hồ sơ trích đo ngày 09/7/2007 thì thửa đất này có chiều dài các cạnh lần lượt là 35 m và 36 m. Năm 2011, khi đo đạc theo V và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/5/2013 thì thửa đất này giảm diện tích còn 182,3 m^2 có chiều dài các cạnh lần lượt là 30,86 m (giảm 5,14 m) và 31,49 m (giảm 3,51 m). Đến năm 2020 thì bị thu hồi giải phóng mặt bằng do mở rộng, cải tạo Quốc lộ E diện tích thu hồi là 21,4 m^2 có chiều dài các cạnh lần lượt là 2,6 m và 4,62 m. Diện tích còn lại sau thu hồi là 160,9 m^2, chiều dài các cạnh của diện tích còn lại như đo đạc hiện nay.

[3.1] Nguyên đơn cho rằng khi đo đạc theo Vlap thì nguyên đơn không có nhà, không có chỉ ranh. Sau đó một thời gian thì có thông báo đến nhà T1 ấp để ký biên bản đo đạc. Đến năm 2013 thì nguyên đơn được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Vlap, do có sai sót trong đo đạc nên dẫn đến tranh chấp như hiện nay. Việc ông H1 chuyển nhượng cho nguyên đơn phần đất diện tích 206 m^2 (thửa 3028) vào ngày 02/7/2007 và sau đó gần 03 tháng thì ông H1 chuyển nhượng tiếp phần đất liền kề cho bà Nguyễn Thị T (thửa 3045) theo hồ sơ trích đo ngày 28/10/2007 thì thửa đất 3045 có chiều dài các cạnh là 40,15 m và 34,25 m + 5 m (cạnh này giáp với thửa 3028 - nay là thửa đất số 17 của nguyên đơn). Theo kết quả đo này (nguyên đơn có ký hiệp thương ranh) thì thửa đất của nguyên đơn chỉ có chiều dài 34,25 m

(giảm 1,75 m). Đồng thời kết quả đo này cũng thể hiện việc thửa đất chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T dài hơn của nguyên đơn 5 m chứ không phải 01 mét như nguyên đơn trình bày. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thừa nhận năm 2011 - 2013 khi đoàn đo đạc theo Vlap thì lúc này nguyên đơn là "Tổ trưởng phụ trách dẫn đạc" trên địa bàn của tổ. Sau đó nguyên đơn có hướng dẫn người dân đến nhà T1 ấp để xem và ký bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất. Sau khi hướng dẫn cho người dân xong thì nguyên đơn cũng ký tên vào bản mô tả phần đất của nguyên đơn. Từ đó cho thấy, việc đo đạc theo Vlap được thực hiện công khai, minh bạch.

[3.2] Ngoài ra từ năm 2013 nguyên đơn đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17, tờ bản đồ số 28, đã biết việc thay đổi về hình thể, diện tích nhưng không khiếu nại. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các bên cũng thừa nhận từ khi canh tác đất đến nay giữa các bên với thửa 3045 (nay là thửa đất số 18) không có tranh chấp gì. Thửa đất số 18 đã xây tường kiên cố, từ đó đó cho thấy, việc lấy chiều dài của thửa đất số 18 làm cơ sở so sánh và lấy kết quả đo đạc Vlap làm cơ sở giải quyết vụ án như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

Từ những nhận định trên cho thấy: việc nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp là thuộc về thửa đất số 17, tờ bản đồ số 28 của nguyên đơn là không có cơ sở; yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp có diện tích 26,6 m² là thuộc về thửa 86, tờ bản đồ số 28 của bị đơn, trên cơ sở đó buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ cây trồng, công trình ra khỏi đất và trả lại cho bị đơn phần đất tranh chấp nói trên là phù hợp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Căn cứ vào các Điều 166, 202, 203 Luật đất đai;

Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn C.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Phước H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông Đinh Văn C có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình, cây trồng ra khỏi đất (gồm: Công trình: Chuồng dê có kết cấu cột gỗ, vách gỗ tạp, mái tôn, diện tích 5,8 m²; Hàng rào lưới B40 cao 1,4 m, dài hết ranh đất phía sau (6,52 m); 02 cây M1 chiếu thủy) trả lại cho ông Trần Phước H phần đất có diện tích 26,6 m² thuộc một phần thửa đất số 86, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Trần Phước H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có họa đồ kèm theo) .

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn C phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 3.037.000 đồng (ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng), ông C đã nộp xong.

[3.2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đinh Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001152 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001401 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đinh Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000790 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Chợ Lách;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn